TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN H** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-7-2023
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN H, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Hùng

2. Ông Võ Thành Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Yến, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lưu Vĩnh Ph, sinh năm 1998. Địa chỉ: số 67/4 An B, phường 6, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2000. Địa chỉ: ấp Cồn C, xã Đông H, huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh. Đề nghị xét xử vắng mặt

- *Con chung:* Cháu Lưu Hoàng Â, sinh ngày 21/3/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2023, lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lưu Vĩnh Ph trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, anh và chị T quen biết nhau khi cùng đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2019 kết hôn với nhau và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đông H. Sau kết hôn hai người cùng tiếp tục làm thuê và thuê nhà trọ sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, do không hợp nên vợ chồng thường xảy ra cự cải, mâu thuẫn kéo dài dần dần vợ chồng không còn hạnh phúc và không còn sống chung từ năm 2020. Trong khoảng thời gian không sống chung, tình cảm vợ chồng đã hết, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng nên cả hai không ai mong muốn hàn gắn, đoàn tụ, nên anh kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Về con chung, anh bà chị T có con chung là cháu Lưu Hoàng Â, sinh ngày 21/3/2019 hiện sống chung chị T và được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh không yêu cầu nuôi con, anh đồng ý giao chị T nuôi và chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh cũng thống nhất.

Về quyền và nghĩa vụ tài sản chung, không có nên anh không yêu cầu tranh chấp gì khi ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày cho rằng:

Năm 2019 chị và anh Ph tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký tại Ủy ban xã Đông H. Nhưng do cả người còn trẻ, chưa hiểu nhau nhiều nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và từ năm 2020 không còn sống chung, chị cũng đồng ý ly hôn theo anh Ph yêu cầu. Chị yêu cầu nuôi con chung Lưu Hoàng Â sinh ngày 21/3/2019, vì hiện nay con sống chung với chị, thu nhập mỗi tháng của chị trên 10.000.000 đồng nên chị đảm bảo đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng. Chị và anh Ph không có tài sản chung và nợ chung nên cũng không yêu cầu tranh chấp gì khi ly hôn.

Tại phiên tòa, anh Ph và chị T đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày bổ sung.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn thì không chấp hành theo thông báo hòa giải, nhưng có mặt ngày 26/6/2023 và có đề nghị xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, anh Ph và chị T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Ph và chị T đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không hạnh phúc, không thể kéo dài. Do đó, anh Ph yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận; con chung là cháu Lưu Hoàng Â, ngày 21/3/2019 chị T yêu cầu nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng; Tài sản chung và nợ chung hai bên đương sự đều khai không có nên không yêu cầu tranh chấp.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân, chấp nhận cho anh Ph được ly hôn với chị T; giao con chung cho chị T nuôi và anh Ph không cấp dưỡng do đương sự không yêu cầu; Tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không giải quyết.

Án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của anh Lưu Vĩnh Ph và chị Nguyễn Thị Bích T là có đề nghị xét xử vắng mặt. Xét căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

[2] Tại đơn khởi kiện, qua các lời khai của anh Ph xác định kết hôn với chị T năm 2019 và xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được. Đối với chị T được thông báo hòa giải ngày 25/5/2023 nhưng vắng mặt, đến ngày 26/6/2023 chị T trực tiếp đến Tòa án trình bày ý kiến đồng ý ly hôn. Xét hôn nhân của anh Ph và chị T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số: 111, đăng ký ngày 04/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đông H, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Thời điểm giải quyết, xét xử hai người không sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng, hai bên không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân của hai người xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn trở về tiếp tục sống chung. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Lưu Vĩnh Ph ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T.

[3] Quyền, nghĩa vụ đối với con chung, anh Ph và chị T xác nhận có con chung là Lưu Hoàng Â, sinh ngày 21/3/2019. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ngày 26/6/2023, chị T yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng và anh Ph cũng thống nhất. Xét việc anh Ph đồng ý giao con chung cho chị T nuôi, cũng như chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, đương sự xác nhận không có và không yêu cầu tranh chấp gì khác nên không giải quyết.

[5] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ cào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Vĩnh Ph.

1. Về hôn nhân: Cho anh Lưu Vĩnh P ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T.

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Giao cháu Lưu Hoàng Â, sinh ngày 21/3/2019 cho chị Nguyễn Thị Bích T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu hoặc tranh chấp nên không giải quyết chung trong vụ án ly hôn này).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung: Không giải quyết (do đương sự xác định không có).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lưu Vĩnh Ph chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0015902 ngày 22/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên H, tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Duyên H;
- Chi cục THADS huyện Duyên H;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga